

Số: 69/2022/QĐST-HNGĐ

Điện Biên, ngày 01 tháng 6 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 142/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 giữa:

- **Nguyên đơn:** Chị **Phạm Thị Bích T** – Sinh năm 1981 - Địa chỉ: Đội 19, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Kim N** – Địa chỉ: Thôn C4, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- **Bị đơn:** Anh **Hà Minh Q** – Sinh năm 1978 - Địa chỉ: Đội 19, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** **Ngân hàng chính sách xã hội** – Địa chỉ: 169 Linh Đ, phường H, quận H, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng chính sách xã hội:* Ông **Dương Quyết T** – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông **Nguyễn Viết T** – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện Đ; Ông **Nguyễn Viết T** ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án cho: Ông **Nguyễn Văn D** – Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH huyện Đ (Theo Quyết định ủy quyền số 97/QĐ-NHCS ngày 13/10/2020) – Địa chỉ: Khu P, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

*Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;*

*Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;*

*Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2022.*

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 5 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Chị **Phạm Thị Bích T** và anh **Hà Minh Q**.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về quan hệ hôn nhân:**

Chị Phạm Thị Bích T và anh Hà Minh Q thuận tình ly hôn.

## **2.2. Về con chung:**

Giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Hà Phương T, sinh ngày 23/11/2016 và giao cho anh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Hà Minh H sinh ngày 13/01/2008 cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị T và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

## **2.3. Về quan hệ tài sản:**

Chị T và anh Q thỏa thuận chia tài sản chung, nợ phải trả của hai vợ chồng theo biên bản thỏa thuận ngày 04/5/2022 và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận vào Quyết định cụ thể như sau:

### **2.3.1 Tài sản chung:**

#### **2.3.1.1. Anh Hà Minh Q được quyền sở hữu, quản lý và sử dụng:**

+ 01 thửa đất số 461-2a, tờ bản đồ số 313- e, diện tích 250 m<sup>2</sup> ở tại đội 19, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Chiều rộng 10,2 m, chiều dài 24,5m, phía Bắc giáp đường thôn xóm rộng 5m, phía Nam giáp đất ông T, phía Tây giáp đất bà H, phía Đ giáp đất bà N. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 587432 do UBND huyện Đ cấp ngày 15/6/2011 mang tên Hà Minh Q, Phạm Thị Bích T và 01 ngôi nhà cấp 4 hai gian tường xây lợp ngói Pro xi măng nằm trên diện tích đất trên. Tổng trị giá tài sản là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng). Anh Q có trách nhiệm thanh toán cho chị Phạm Thị Bích T số tiền là 200.000.000 đồng. Chị T đồng ý nhận số tiền là 150.000.000 đồng. Số tiền 50.000.000 đồng còn lại chị T để lại cho anh Q để nuôi dạy con. Số tiền 150.000.000 đồng anh Q có trách nhiệm thanh toán cho chị T 01 lần vào ngày 30/7/2022. Ngày 17/5/2022, anh Q đã thanh toán cho chị T số tiền 50.000.000 đồng nên số tiền còn lại anh Q có trách nhiệm thanh toán cho chị T là 100.000.000 đồng, thanh toán 1 lần vào ngày 30/7/2022.

+ 01 thửa đất số 641-2, tờ bản đồ 313 – đ, diện tích 120 m<sup>2</sup> ở tại đội 19, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Chiều rộng 5m, chiều dài 24m, phía Bắc giáp đường dân sinh rộng 5m, phía Nam giáp đất bà N, phía Đông giáp đất bà N, phía Tây giáp đất ông Q. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 587826 do UBND huyện Đ cấp ngày 19/10/2011 mang tên Hà Minh Q, Phạm Thị Bích T. Trị giá tài sản là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

#### **2.3.1.2. Chị Phạm Thị Bích T được quyền sở hữu, quản lý và sử dụng:**

+ 01 thửa đất mua của bà Phạm Thị Bích L và ông Nguyễn Ngọc B (hiện mảnh đất chưa sang tên cho chị T và anh Q) diện tích 125 m<sup>2</sup> được tách ra từ thửa

số 648, tờ bản đồ 313 - đ ở tại đội 19, xã T, huyện Đ. Chiều rộng 5m, chiều dài 25m, phía Bắc đất nhà H, phía Nam giáp đường dân sinh rộng 2,5 m, phía Đông giáp đất nhà T, phía Tây giáp đất nhà L1. (Bà L, ông B đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 776778 do UBND huyện Điện Biên cấp ngày 18/5/2007). Trị giá tài sản là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

**2.3.1.3.** Đối với số tiền 250.000.000 đồng là tiền tiết kiệm do anh Hà Minh Q đã rút ra để xử lý một số công việc trong gia đình liên quan đến tài sản, chị T và anh Q đồng ý không có ý kiến gì.

Các tài sản khác trong gia đình hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.3.2. Nợ phải trả:**

Chị Phạm Thị Bích T chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ số tiền là: 50.000.000 đồng gốc và tiền lãi phát sinh không liên quan đến anh Q. Ngày 17/5/2022, chị T đã trả toàn bộ số tiền 50.000.000 đồng cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Đ.

Anh Hà Minh Q chịu trách nhiệm trả cho chị Hà Thị Thanh T, sinh năm 1975 – Địa chỉ: Khối 20/7 Thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên số tiền mua đất là 170.000.000 đồng, lãi suất tính theo Ngân hàng nhà nước Việt Nam, không liên quan đến chị T.

Anh Hà Minh Q chịu trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Quốc H, sinh năm: 1966, chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số nhà 789, tổ 10 phường M, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên, số tiền đầu tư mua tinh dầu là 50.000.000 đồng, lãi suất tính theo Ngân hàng nhà nước Việt Nam, không liên quan đến chị T.

**2.3.3. Tài sản riêng:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết; **Nợ lấy về:** Không có.

**2.4. Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a, điểm d Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị T và anh Q không phải chịu án phí DSST đối với việc phân chia tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ; chị T và anh Q mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí DSST; chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm) và được hoàn trả lại 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí DSST không có giá ngạch và 39.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí DSST có giá ngạch theo biên lai số: 0004951 ngày 13/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.**

*Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự báo cho người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự biết: Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án*

*dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Điện Biên;
- UBND xã T, huyện Đ (Nơi đăng ký kết hôn);
- Chi cục THADS huyện Điện Biên;
- Kế toán (để biết);
- Đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích HP;
- Lưu VP;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Yên**